TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 07-02-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông

2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Thị Thu Trúc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng V**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp Thới Hoà, xã C, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Hồng P**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp Thới Trị, xã C, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng V vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Hồng P vắng mặt (bà V có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng V trình bày:

Giữa bà và bà Phạm Thị Hồng P có quen biết với nhau nên vào ngày 19/10/2022 bà có cho bà P vay số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Khi vay tiền bà P có ký tên biên nhận nợ. Hai bên thoả thuận thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất vay là 2%/tháng. Sau khi nhận tiền vay thì đến nay bà P không đóng lãi như đã thoả thuận và cũng không trả tiền vốn đúng hạn như đã cam kết giữa hai bên. Bà đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà P trả tiền lại cho bà nhưng bà P cứ hẹn lần hẹn lượt mà không thực hiện. Do đó bà khởi kiện yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 19/10/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà P đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà P đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà P cũng không có ý kiến yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Trần Thị Hồng V là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Phạm Thị Hồng P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà V, bà P.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Do quen biết với nhau nên giữa bà Trần Thị Hồng V và bà Phạm Thị Hồng P có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Vào ngày 19/10/2022 bà V có cho bà P vay số tiền 180.000.000 đồng. Khi vay tiền bà P có ký tên biên nhận nợ. Hai bên thoả thuận thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất vay là 2%/tháng. Đến thời hạn trả tiền thì bà P không thực hiện đúng như thỏa thuận và bà V đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà P trả hết số tiền vốn đã vay nhưng bà P không thực hiện. Do đó bà V khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng.

Do bị đơn bà P vắng mặt nên việc giải quyết yêu cầu của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là:

"Giấy mượn tiền" đề ngày 19/10/2022 (nhằm ngày 24/09/2022 âm lịch) có thể hiện nội dung: "*Tôi tên Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1976...địa chỉ thường trú:ấp Thới Trị, xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tôi có mượn của bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1961 ....thường trú 458 ấp Thới Hoà, xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám chục triệu đồng). Tôi đồng ý lãi suất 2% mỗi tháng vào ngày âm lịch cho bà V. Thời gian phải trả số tiền là 2 tháng kể từ ngày mượn tiền".* Giấy mượn tiền có chữ ký và viết họ tên Trần Thị Hồng V dưới mục "Bên cho mượn tiền" và chữ ký và viết họ tên Phạm Thị Hồng P dưới mục "Bên mượn tiền".

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do. Bà P không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà V đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa bà V và bà P là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên.

Phía bà P đã nhận đủ số tiền vay của bà V, có ký tên xác nhận nợ và hẹn trả nợ nhưng đến thời hạn trả nợ thì bà P không thực hiện đúng như thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V nên bà V có yêu cầu bà P có

nghĩa vụ trả cho bà V số tiền vốn vay 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất:

Trong đơn khởi kiện bà V yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay theo thoả thuận là 2%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà V yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 19/10/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 19/10/2022 có thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng nên đây là hợp đồng vay có lãi. Bà V yêu cầu bà P trả số tiền lãi trên số tiền vốn vay với mức lãi suất 1,66%/tháng không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, buộc bà P trả cho bà V số tiền lãi của số tiền vốn vay là 180.000000 đồng. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: (180.000.000 đồng x 1,66%/tháng) x 15 tháng 19 ngày = 46.712.400 đồng.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc bà V có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và 43.712.400 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 226.712.400 (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm) đồng.

[2.3]. *Về án phí:*

Do yêu cầu của bà V được chấp nhận toàn bộ nên bà P phải chịu án phí là 11.335.620 đồng (226.712.400 đồng x 5% = 11.335.620 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V đối với bị đơn là bà Phạm Thị Hồng P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Phạm Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Hồng V số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 43.712.400 đồng, tổng cộng là 226.712.400 (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.335.620 (mười một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Bà Trần Thị Hồng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang